

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh ngày 20/6/1963; số căn cước: 033163xxx; địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn D, xã S, thành phố Hải Phòng). (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Văn N, sinh ngày 17/02/1962; số căn cước: 030062xxx; địa chỉ: Thôn D, xã S, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (Bà Phạm Thị L) trình bày: Bà và ông Vũ Văn N được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1995 nhưng bị mất giấy đăng ký kết hôn nên ông bà đã làm thủ tục đăng ký kết hôn lại và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã S, thành phố Hải Phòng) tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2025. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng bà thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống với chồng không hoà hợp, không có tiếng nói chung và không có sự quan tâm chia sẻ. Vợ chồng ly thân hơn 06 tháng nay, không quan tâm, chia sẻ gì với nhau. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được lại với nhau nên bà đề nghị được ly hôn ông Vũ Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con là Vũ Thị Hải M, sinh ngày 24/5/1997 và Vũ Sơn H, sinh ngày 08/9/1998; hiện các con của bà đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn (ông Vũ Văn N) trình bày: Ông xác định ông và bà Phạm Thị L được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn tại UBND xã vào năm 1995. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn. Khoảng tháng 3 năm 2024 thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L mỗ chân, không mang cơm chăm sóc cho mẹ ông, vợ chồng mâu thuẫn bà L đòi ăn riêng, ngủ riêng. Từ đó đến nay vợ chồng không nói chuyện, hỏi han gì với nhau, việc ai người đó làm. Nay bà L xin ly hôn ông, ông không đồng ý ly hôn vì con trai của ông bà chưa lập gia đình nên ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con trai của ông bà. Ông xác định nếu chỉ có hai vợ chồng thì ông đồng ý ngay và Tòa án tổ chức hoà giải thì ông cũng không có thời gian đến Tòa án làm việc vì bà L xin ly hôn là việc đơn phương của bà L, ông cũng không cần Tòa án phải hoà giải đoàn tụ.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có hai con là Vũ Thị Hải M, sinh năm 1997 và Vũ Sơn H, sinh năm 1998; hiện các con của ông đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo địa phương cung cấp: Ông Vũ Văn N và bà Phạm Thị L là người địa phương, ông bà có đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/1995 (căn cứ từ sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ). Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà cụ thể như thế nào địa phương không nắm được nhưng có mâu thuẫn và bà L đã xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147, 227, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, cho bà L ly hôn ông Vũ Văn N. Về án phí: Bà Phạm Thị L là người đủ 60 tuổi nên đề nghị miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Phạm Thị L khởi kiện ly hôn bị đơn ông Vũ Văn N, trú tại thôn D, xã S, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn D, xã S, thành phố Hải Phòng), Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho các đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và Ông N có kết hôn với nhau vào năm 1995 nhưng bị mất Giấy chứng nhận kết hôn, UBND xã S, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã S, thành phố Hải Phòng) xác định ngày xác lập quan hệ hôn nhân của ông bà là ngày 26/01/1995 và đăng ký lại tại UBND xã S, huyện Tứ Kỳ vào ngày 15/01/2025 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, bà L xác định vợ chồng bà thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, không có tiếng nói chung và không có sự quan tâm chia sẻ. Vợ chồng ly thân nhau hơn 06 tháng nay không quan tâm đến nhau. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà đề nghị được ly hôn ông Vũ Văn N. Ông N xác định vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2024 thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L mỗ chân, không mang cơm chăm sóc cho mẹ ông, vợ chồng mâu thuẫn đã ăn riêng, ngủ riêng. Từ đó đến nay vợ chồng không nói chuyện, hỏi han gì với nhau, việc ai người đó làm. Bà L xin ly hôn ông, ông không đồng ý ly hôn vì con trai của ông bà chưa lập gia đình nên ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con trai của ông bà. Ông xác định nếu chỉ có hai vợ chồng thì ông đồng ý ngay, ông cũng không cần Tòa án phải hoà giải đoàn tụ. Thực tế, Tòa án đã tổ chức phiên họp hoà giải cho ông bà nhưng ông N không đến. Như vậy, ông N không coi trọng việc hoà giải để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc mà vẫn sống ly thân, không quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không có tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà được ly hôn ông N là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con của ông bà đã trưởng thành, ông bà đều không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông bà đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, tuy nhiên bà L là người cao tuổi và có đề nghị được miễn án phí nên HĐXX miễn án phí cho bà L là phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị L ly hôn ông Vũ Văn N.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho bà Phạm Thị L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng;
- UBND xã S, TP Hải Phòng (nơi đăng ký kết hôn)
- đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi